

V/v tranh chấp ly hôn

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ông Lê Minh T trình bày: Ông T và bà T1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 12/2017 ông T và bà T1 sống ly thân cho đến nay. Ông T nhận thấy tình cảm dành cho bà T1 không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Tần Phúc A, sinh ngày 01/5/2017, ông T đồng ý để bà T1 trực tiếp nuôi con, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Tần Thị Lệ T1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Minh T và bị đơn bà Tần Thị Lệ T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật về tố tụng:

Ông Lê Minh T yêu cầu ly hôn với bà Tần Thị Lệ T1, bà T1 có nơi cư trú tại quận B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, ông Lê Minh T và Bị đơn, bà Tần Thị Lệ T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T1 là phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Pháp luật về nội dung:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, lời trình bày của ông T, bà T1 tại các buổi làm việc, hòa giải Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông T và bà T1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông T, bà T1 sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, tình cảm không còn nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T. Xét thấy, ông T và bà T tự nguyện chung sống từ năm 2016, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng cho đến nay cả hai không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà T1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Cả hai thỏa thuận bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Xét thỏa thuận của đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

(4) Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Minh T và bà Tần Thị Lệ T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Tần Phúc A, sinh ngày 01/5/2017 cho bà Tần Thị Lệ T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông Lê Minh T chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu thêm tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm thực hiện tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng gia đình các bên không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê Minh T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông T đã nộp theo biên lai số 0068927 ngày 22/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Ngoài ra, ông Lê Minh T còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Ông Lê Minh T, bà Tần Thị Lệ T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Hồng Út

